TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 11 – 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trung Thảo;

2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 30/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐST-DS ngày 10/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Kim B, sinh năm: 1981.

2. Bị đơn: Trần Phước H, sinh năm: 1977.

Cùng trú tại: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị B có mặt, anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Kim B trình bày: Chị và anh Trần Phước H chung sống với nhau vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống có một con chung tên là Trần Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 28/6/2012. Do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn tình cảm nên đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về tình cảm: yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phước H.

+ Về nuôi con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

- *Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Phước H* thống nhất về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo lời khai của nguyên đơn. Còn đối với yêu cầu thì:

+ Về tình cảm: đồng ý ly hôn với chị B.

+ Về nuôi con chung: đồng ý để chị B được nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyên – bị đơn thống nhất về tình trạng hôn nhân là chung sống từ năm 2011, đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn và có 01 con chung. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*.

Tại phiên tòa, chị B yêu cầu xin ly hôn, tuy vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng đồng ý ly hôn, nhưng xét thấy do quan hệ hôn nhân giữa anh chị không có đăng ký kết hôn là không phù hợp pháp luật, nay có tranh chấp thì sẽ bị tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: anh H và chị B thống nhất để con chung là cháu Kh cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng vì chị đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, thì chị B là nguyên đơn khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng các Điều 14, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Về hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Kim B và anh Trần Phước H là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: chị Nguyễn Kim B được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Nguyễn Tuấn Kh, sinh ngày 28/6/2012 (hiện cháu Kh đang sống với chị B). Anh Trần Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Nguyễn Thành L nộp thay) là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BN/2013 17133 ngày 09/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Viễn